TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số : 82/2018/DS-GĐT
Ngày 27 - 12 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Thoa, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Kiện đòi tài sản*" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Bá A, sinh năm 1981;

Trú tại: Khối a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974;

Trú tại: Xóm 1, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Bà Cao Thị T, sinh năm 1963;

2. Ông Trần H, sinh năm 1972;

3. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1960;

4. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1980;

5. Anh Phạm Văn G, sinh năm 1983;

6. Chị Cao Thị Th, sinh năm 1981;

7. Chị Cao Thị T, sinh năm 1984;

8. Chị Cao Thị Th, sinh năm 1986;

9. Anh Cao Bá L, sinh năm 1988;

10. Anh Cao Bá Đ, sinh năm 1997;

11. Chị Cao Thị H, sinh năm 1991;

12. Chị Cao Thị TR, sinh năm 1991;

Đều trú tại: Xóm 1, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

13. Chị Cao Thị Quỳnh Ng;

Trú tại: Xóm 8, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

14. Chị Cao Thị Quỳnh Ng;

Trú tại: Đức Thọ, Hà Tĩnh.

15. Anh Cao Bá L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

16. UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942;
2. Ông Nguyễn S, sinh năm 1946.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Đơn kiện ngày 23/10/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là anh Cao Bá A và của người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị A1 trình bày*:

Cụ Cao Bá N (chết 14/6/2010) và vợ là cụ Trần Thị M (chết năm 1985) có 4 con chung là ông Cao Bá L (cha đẻ của anh A; ông L chết năm 2001), bà Cao Thị P (đã chết năm 2008), ông Cao Bá D (chết năm 2007), bà Cao Thị T. Sinh thời hai cụ có 440m^2 đất ở thửa số 666 tờ bản đồ số 1 (đo đạc năm 1982 theo Chỉ thị 299), do được cấp từ trước năm 1960. Sau khi cụ M chết, năm 1986, cụ N cho vợ chồng em gái cụ M là cụ Trần Thị L, Nguyễn Minh C mượn 162m^2 đất trong thửa đất trên để làm nhà ở.

Ngày 05/5/2010, cụ N lập di chúc để lại cho anh Cao Bá A toàn bộ 444m^2 đất ở. Sau khi cụ N chết, anh A mới biết cụ L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSD) phần đất 162m^2 ở nhờ của cụ N và sau đó bà B (là con nuôi cụ L, cụ C) đã làm thủ tục và được UBND huyện Y cấp GCNQSD thửa đất này.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả lại 162m^2 đất và hủy các GCNQSD đất do UBND huyện Y cấp cho cụ L và bà B.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Cụ C, cụ L không có con chung, có nhận bà làm con nuôi từ khi bà còn nhỏ. Năm 1986, hai cụ làm nhà 30m^2 trên phần đất này. Sau khi cụ C mất, cụ L được cấp GCNQSD thửa đất số 151 diện tích 162m^2. Ngày 23/3/2003, cụ L đã

lập di chúc để lại nhà đất cho bà. Bà B xác nhận trước đây, cụ N đã có đơn đòi cụ L trả lại đất gửi UBND thị trấn G, nhưng UBND thị trấn đã kết luận cụ N không có giấy tờ gì chứng minh là đất của mình. Sau khi cụ L chết, bà đã làm thủ tục khai nhận thừa kế và được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất ngày 10/11/2005.

Bà B cho rằng không rõ về nguồn gốc đất của cụ L nhưng cho rằng anh A không có chứng cứ chứng minh đất của cụ N nên không đồng ý trả đất cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Cao Thị T trình bày: Về quan hệ huyết thống, về tài sản của các cha, mẹ đúng như anh A trình bày. Di chúc của cụ N viết khi cụ còn minh mẫn, nội dung để lại nhà và 444m^2 đất cho cháu nội là anh A là đúng. Trong diện tích này có 162m^2 đất cụ N cho cụ L, cụ C mượn làm nhà ở khi 2 cụ chuyển từ Hải Phòng về đây ở và không có đất làm nhà. Bà xác định không có tranh chấp gì với anh A và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, giao quyền sử dụng 162m^2 đất cho anh A.

- Những người con khác của cụ N, cụ M: Ông Cao Bá L chết năm 2001, bà Cao Thị Phượng chết năm 2008, ông Cao Bá Dương chết năm 2007. Những người thừa kế của ông L, bà Phượng, ông Dương tham gia tố tụng đều trình bày thống nhất với ý kiến của bà Cao Thị T.

- Đại diện UBND huyện Y trình bày:

Căn cứ đơn của cụ N và hồ sơ cấp GCN do UBND thị trấn G trình, UBND huyện Y đã cấp GCN cho cụ Cao Bá N thửa đất 150 nên diện tích cấp GCN không đúng với diện tích ghi trong bản đồ 299.

Căn cứ hồ sơ cấp GCN của UBND thị trấn G trong đó xác định nguồn gốc đất thửa 151 do cụ L ở từ trước 15/10/1993, không có tranh chấp nên UBND đã cấp GCN cho cụ L.

- Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày, căn nhà của cụ L đã hư hỏng xuống cấp. Kết quả định giá ngày 24/8/2015 xác định căn nhà chỉ còn giá trị 3.000.000 đồng; 162m^2 đất trị giá 416.750.000 đồng.

2. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2016/DSST ngày 04/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định: Buộc bà Nguyễn Thị B trả lại 162m^2 đất cho anh Cao Bá A.

Hủy một phần Quyết định số 828/QĐ-UBND của UBND huyện Y (phần cấp cho hộ Trần Thị L) và GCNQSD đất số 00056 ngày 23/12/2002 cấp cho Trần Thị L; hủy GCNQSD đất số AĐ326722 ngày 10/1/2005 cấp cho bà Nguyễn Thị B. Giao anh Cao Bá A sử dụng 162m^2 đất tại thửa số 151 tờ bản đồ số 01 và tài sản trên đất (là căn nhà cấp 4 đã hỏng toàn bộ mái) và anh A phải hoàn trả giá trị 3.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị B.

Bà Nguyễn Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm.

3. Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2017/DS-PT ngày 20/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Sửa bản án sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị B trả lại 162m^2 đất thửa số 151 tờ bản đồ 01 tại khối 2 thị trấn G.

Hủy một phần Quyết định số 828/QĐ-UBND của UBND huyện Y (phần cấp cho hộ Trần Thị L) và GCNQSD đất số 00056 ngày 23/12/2002 cấp cho Trần Thị L; hủy GCNQSD đất số AĐ326722 ngày 10/1/2005 cấp cho bà Nguyễn Thị B.

Giao anh Cao Bá A sử dụng 162m^2 đất tại thửa số 151 tờ bản đồ số 01 và tài sản trên đất (là căn nhà cấp 4 đã hỏng toàn bộ mái) và anh phải hoàn trả giá trị 3.000.000 đồng và 100.000.000 đồng công sức tôn tạo, quản lý thửa đất cho bà Nguyễn Thị B. Anh Cao Bá A có trách nhiệm tiến hành thủ tục để được cấp GCNQSD đất. Giao cho bà Nguyễn Thị B 3.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất và 100.000.000 đồng công sức tôn tạo, quản lý thửa đất do anh Cao Bá A giao lại.

Bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án.

4. Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 19/KNGĐT-VC1-DS ngày 16/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2017/DS-PT ngày 20/7/2017 nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm và Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2016/DSST ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ẤN:

[1] Các bên tranh chấp về thửa đất 151 diện tích 162m^2 tại khối 2 thị trấn G, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Đất tranh chấp đã có GCNQSD đất đứng tên cụ Trần Thị L. Thửa đất này liền kề với thửa đất số 150 của cụ Cao Bá N. Thửa 150 và 151 đều có nguồn gốc thuộc thửa 666 bản đồ địa chính lập năm 1982 đứng tên vợ chồng cụ Cao Bá N, Trần Thị Minh. Năm 1986, cụ N cho vợ chồng cụ L làm nhà ở nhờ trên 162m^2 thuộc thửa 666. Năm 1998, bản đồ địa chính thể hiện thửa số 666 tách làm 2 thửa: Thửa 150 cụ N sử dụng và thửa 151 cụ L sử dụng. Năm 1993, cụ C có đơn xin đất làm nhà với lý do chưa có đất ở và đang ở nhờ trên đất của cụ N, nhưng sau đó vợ chồng cụ L, cụ C vẫn ở tại đây. Sau khi cụ C chết, cụ L kê khai và được cấp GCNQSD đất vào năm 2002.

- Năm 2003, cụ N đã yêu cầu UBND thị trấn G giải quyết để cụ L trả lại cho cụ. Các biên bản giải quyết đề ngày 03/4/2004 và 03/6/2004 của UBND thị trấn G lập, đều thể hiện cụ L ở nhờ và các biên bản này cũng không phải biên bản hòa giải thành tranh chấp đất đai theo luật đất đai 2003, nên việc cấp

GCNQSD đất cho cụ L vào năm 2004 là không phù hợp.

- Bà T (con cụ N) và các thừa kế của ông L, bà Phượng, ông Dương đều xác nhận nguồn gốc 444m^2 đất là của cụ N, cụ M và nhất trí với nội dung di chúc ngày 05/5/2010 của cụ N để lại đất cho anh A; đều đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh A đối với 162m^2 đất đang có tranh chấp với bà B.

Với các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm đều xác định cụ L, cụ C là người ở nhờ trên đất của cụ N, cụ M, từ đó hủy các GCNQSD đất đứng tên cụ L, bà B và buộc bà B trả 162m^2 đất cho anh A là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B tuy giữ nguyên kháng cáo (yêu cầu bác đơn khởi kiện của anh A) nhưng cũng có ý kiến đề nghị xem xét công sức nếu phải trả đất. Tòa án cấp phúc thẩm đã buộc bà B trả đất cho anh A và anh A thanh toán cho bà giá trị nhà 3.000.000 đồng và 100.000.000 đồng công sức, tổng 103.000.000 đồng, là đã bảo đảm quyền lợi cho bà B.

[2] Xem xét các nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm có vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm thấy rằng:

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận về quan hệ huyết thống, di sản; đều thừa nhận ông L, bà Phượng, ông Dương đã chết; không ai có ý kiến gì về di chúc của cụ N, cụ M có nội dung để lại 444m^2 đất cho anh A), đều thống nhất đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với thửa đất số 151 diện tích ghi trong GCN 162m^2. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Kiện đòi tài sản", không giải quyết về di chúc của cụ N đối với 444 m^2 (chỉ giải quyết 162m^2) nên không cần thiết phải đưa đầy đủ người thừa kế của cụ N và xem xét tính hợp pháp của di chúc, như kháng nghị nêu;

- Diện tích đo đạc thực tế thửa đất là 156,6m^2 nhưng Bản án sơ thẩm, phúc thẩm có quyết định trả 162m^2 và số liệu độ dài thực tế ghi trong bản án không phù hợp với biên bản đo đạc. Tuy nhiên, thửa đất số 151 là độc lập, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp ra với các thửa đất liền kề, nên trong trường hợp thi hành án có vướng mắc thì cơ quan tố tụng thực hiện theo quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực, không đương sự nào có đơn đề nghị Giám đốc thẩm.

Các tài liệu do Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thu thập sau khi có Kháng nghị số 19/KNGĐT-VC-DS ngày 16/7/2017 (là "Đơn trình bày" ngày 27/11/2008 của anh Cao Bá A, đơn của bà Nguyễn Thị B ngày 27/11/2018, Biên bản làm việc ngày 28/11/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y với Cục Thi hành án dân sự huyện Y) đã thể hiện: Sau khi xét xử phúc thẩm, anh Cao Bá A đã nộp tiền thi hành Bản án dân sự phúc thẩm (tiền án phí và 103.000.000 đồng thanh toán cho bà B). Ngày 15/5/2018, bà B đã nhận đủ số tiền 103.000.000 đồng.

[4] Với các phân tích trên, Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm thấy rằng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự đã chấp nhận và tự nguyện thi hành án xong trước khi có Kháng nghị;

- Nội dung chủ yếu của Kháng nghị là Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng. Nhưng như đã phân tích nêu trên, các vi phạm về thủ tục tố tụng không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 326 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không cần thiết phải hủy các bản án sơ thẩm, phúc thẩm để giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343; Điêu 348, Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 19/2018/KNGĐT-VC1-DS ngày 20/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2017/DS-PT ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định Giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27/12/2018.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Phòng HC-TP, H/s vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Mạnh Hùng